

Số: 421 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế thường xuyên cập nhật để trình Bộ trưởng công bố những thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. Thời gian loại bỏ hoặc cập nhật các thủ tục hành chính này chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thj*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC) (để b/c);
- Vụ PC (Phòng KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (Phòng KHTH);
- Lưu: VT, PTDN.



KT. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG

Đặng Huy Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 421/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 4 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Thành lập doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thành lập công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Thành lập doanh nghiệp	Bộ, UBND cấp tỉnh
3	Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Thành lập doanh nghiệp	Bộ quản lý ngành
4	Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên thuộc Bộ, UBND cấp tỉnh	Thành lập doanh nghiệp	Bộ, UBND cấp tỉnh
5	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Tổ chức lại doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một	Tổ chức lại doanh	Cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền

	thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý; công ty TNHH một thành viên do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định thành lập	ng nghiệp	
7	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Tổ chức lại doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Tổ chức lại doanh nghiệp	Bộ, UBND cấp tỉnh
9	Chia, tách công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Tổ chức lại doanh nghiệp	Bộ quản lý ngành
10	Chia, tách công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Tổ chức lại doanh nghiệp	Bộ, UBND cấp tỉnh
11	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Tổ chức lại doanh nghiệp	Cơ quan, cá nhân quyết định thành lập công ty
12	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Giải thể doanh nghiệp	Cơ quan, cá nhân quyết định thành lập công ty

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Bộ quản lý ngành lập Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên theo quy định để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh nơi công ty dự định đặt trụ sở chính và các cơ quan, tổ chức khác (nếu thấy cần thiết).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên, đồng thời gửi Bộ quản lý ngành để tiếp thu ý kiến thẩm định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau về nội dung chủ yếu của Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan trước khi trình báo cáo thẩm định lên Thủ tướng Chính phủ; thời gian có thể kéo dài thêm không quá 10 ngày làm việc.

- Bộ quản lý ngành giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên;
- Đề án thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

* **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ Hồ sơ gốc

* **Thời hạn giải quyết:** Tối đa không quá 35 ngày làm việc (kể từ ngày các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định Hồ sơ.

* **Cơ quan thực hiện:**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ quản lý ngành.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập/không thành lập công ty TNHH một thành viên.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, Đề án thành lập và Điều lệ hoạt động của công ty TNHH một thành viên cần đảm bảo các nội dung chủ yếu, cụ thể:

- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau:

+ Căn cứ pháp lý, sự cần thiết thành lập công ty;

+ Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý công ty và thời hạn hoạt động;

+ Địa điểm trụ sở chính của công ty, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty;

+ Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng;

+ Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế;

+ Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm sau khi thành lập;

+ Dự kiến tổng vốn đầu tư; mức vốn điều lệ; nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với công ty;

+ Khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để công ty hoạt động sau khi thành lập.

- Dự thảo Điều lệ của công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ, trụ sở chính của công ty; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

+ Mục tiêu hoạt động; nhiệm vụ do Nhà nước giao và ngành, nghề kinh doanh;

+ Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ;

+ Người đại diện theo pháp luật của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của công ty;

+ Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của công ty;

+ Cơ chế hoạt động tài chính, nguyên tắc sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của công ty; căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

+ Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu và thủ tục thanh lý tài sản của công ty;

+ Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

+ Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

+ Các quy định khác do cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập công ty TNHH một thành viên, gồm:

+ Ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ;

+Truyền tải hệ thống điện quốc gia; nhà máy thủy điện đa mục tiêu, nhà máy điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh;

+Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; các cảng hàng không; cảng biển tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế;

+Quản lý điều hành bay; điều hành vận tải đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị;

+ Bảo đảm hàng hải;

+Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

+Xuất bản (không bao gồm lĩnh vực in và phát hành xuất bản phẩm);

+In, đúc tiền;

+Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện, kè đá lấn biển;

+ Hậu cần biển đảo;

+ Quản lý, duy tu công trình đê điều, phân lũ và phòng chống thiên tai;

+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

+ Những ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ cho việc ổn định và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ hoặc các ngành, lĩnh vực, địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

+ Công ty TNHH một thành viên khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

+Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

+Đối với công ty TNHH một thành viên hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nếu có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Việc thành lập công ty TNHH một thành viên phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

2. Thành lập công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Bộ, UBND cấp tỉnh lập Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên theo quy định và chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành (trường hợp công ty do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập) hoặc UBND cấp tỉnh nơi công ty TNHH một thành viên dự định đặt trụ sở chính (trường hợp công ty TNHH một thành viên do Bộ quản lý ngành quyết định thành lập).

-Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ, UBND cấp tỉnh.

-Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

-Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Đề án được phê duyệt.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên.
- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên.
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 05 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện thủ tục thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Tối đa không quá 30 ngày làm việc (kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án), Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ, UBND cấp tỉnh.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ, UBND cấp tỉnh

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) Đề án thành lập. Trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập công ty.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, Đề án thành lập và Điều lệ hoạt động của công ty TNHH một thành viên cần đảm bảo các nội dung chủ yếu, cụ thể:

- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Căn cứ pháp lý, sự cần thiết thành lập công ty;
- + Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý công ty và thời hạn hoạt động;
- + Địa điểm trụ sở chính của công ty, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty;
- + Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng;
- + Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế;
- + Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm sau khi thành lập;

+ Dự kiến tổng vốn đầu tư; mức vốn điều lệ; nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với công ty;

+ Khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để công ty hoạt động sau khi thành lập.

- Dự thảo Điều lệ của công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ, trụ sở chính của công ty; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

+ Mục tiêu hoạt động; nhiệm vụ do Nhà nước giao và ngành, nghề kinh doanh;

+ Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ;

+ Người đại diện theo pháp luật của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của công ty;

+ Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của công ty;

+ Cơ chế hoạt động tài chính, nguyên tắc sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của công ty; căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

+ Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu và thủ tục thanh lý tài sản của công ty;

+ Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

+ Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

+ Các quy định khác do cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập công ty TNHH một thành viên, gồm:

+Ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ;

+Truyền tải hệ thống điện quốc gia; nhà máy thủy điện đa mục tiêu, nhà máy điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh;

+Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; các cảng hàng không; cảng biển tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế;

+Quản lý điều hành bay; điều hành vận tải đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị;

+ Bảo đảm hàng hải;

+Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

+Xuất bản (không bao gồm lĩnh vực in và phát hành xuất bản phẩm);

+In, đúc tiền;

+Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện, kè đá lấn biển;

+ Hậu cần biển đảo;

+ Quản lý, duy tu công trình đê điều, phân lũ và phòng chống thiên tai;

+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

+ Những ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ cho việc ổn định và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ hoặc các ngành, lĩnh vực, địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

+ Công ty TNHH một thành viên khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

+Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

+Đối với công ty TNHH một thành viên hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nếu có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Việc thành lập công ty TNHH một thành viên phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

3. Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Công ty mẹ lập Hồ sơ đề nghị thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên gửi Bộ quản lý ngành để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị thành lập, Bộ quản lý ngành chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ quản lý ngành.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ quản lý ngành lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Đề án được phê duyệt.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên;
- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

* **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ Hồ sơ gốc

* **Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ quản lý ngành thực hiện thủ tục thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Tối đa không quá 30 ngày làm việc (kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ ra quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên.

* **Cơ quan thực hiện:**

Bộ quản lý ngành

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty mẹ.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) Đề án thành lập công ty. Trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ ra quyết định thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, Đề án thành lập và Điều lệ hoạt động của công ty TNHH một thành viên cần đảm bảo các nội dung chủ yếu, cụ thể:

- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau:

+ Căn cứ pháp lý, sự cần thiết thành lập công ty;

+ Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý công ty và thời hạn hoạt động;

+ Địa điểm trụ sở chính của công ty, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty;

+ Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng;

+ Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế;

+ Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động

sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm sau khi thành lập;

+ Dự kiến tổng vốn đầu tư; mức vốn điều lệ; nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với công ty;

+ Khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để công ty hoạt động sau khi thành lập.

- Dự thảo Điều lệ của công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ, trụ sở chính của công ty; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

+ Mục tiêu hoạt động; nhiệm vụ do Nhà nước giao và ngành, nghề kinh doanh;

+ Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ;

+ Người đại diện theo pháp luật của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của công ty;

+ Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của công ty;

+ Cơ chế hoạt động tài chính, nguyên tắc sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của công ty; căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

+ Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu và thủ tục thanh lý tài sản của công ty;

+ Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

+ Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

+ Các quy định khác do cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập công ty TNHH một thành viên, gồm:

+Ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ;

+Truyền tải hệ thống điện quốc gia; nhà máy thủy điện đa mục tiêu, nhà máy điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh;

+Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; các cảng hàng không; cảng biển tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế;

+Quản lý điều hành bay; điều hành vận tải đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị;

+ Bảo đảm hàng hải;

+Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

+Xuất bản (không bao gồm lĩnh vực in và phát hành xuất bản phẩm);

+In, đúc tiền;

+Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện, kè đá lấn biển;

+ Hậu cần biển đảo;

+ Quản lý, duy tu công trình đê điều, phân lũ và phòng chống thiên tai;

+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

+ Những ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ cho việc ổn định và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ hoặc các ngành, lĩnh vực, địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

+ Công ty TNHH một thành viên khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

+Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

+Đối với công ty TNHH một thành viên hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nếu có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Việc thành lập công ty TNHH một thành viên phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

4. Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên thuộc Bộ, UBND cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

- Công ty mẹ lập Hồ sơ đề nghị thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên theo quy định, gửi Bộ, UBND cấp tỉnh để thẩm định;

-Sau khi nhận đủ Hồ sơ, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành (trong trường hợp công ty mẹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ, UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

-Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định thành lập công ty con là công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt chủ trương.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên;
- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 06 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện thủ tục thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương

- Tối đa không quá 30 ngày làm việc (kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ ra quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ, UBND cấp tỉnh

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty mẹ

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương thành lập công ty. Trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty ra quyết định thành công ty con là công ty TNHH một thành viên.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, Đề án thành lập và Điều lệ hoạt động của công ty TNHH một thành viên cần đảm bảo các nội dung chủ yếu, cụ thể:

- Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Căn cứ pháp lý, sự cần thiết thành lập công ty;
- + Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý công ty và thời hạn hoạt động;
- + Địa điểm trụ sở chính của công ty, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty;

+ Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng;

+ Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế;

+ Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm sau khi thành lập;

+ Dự kiến tổng vốn đầu tư; mức vốn điều lệ; nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với công ty;

+ Khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để công ty hoạt động sau khi thành lập.

- Dự thảo Điều lệ của công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ, trụ sở chính của công ty; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

+ Mục tiêu hoạt động; nhiệm vụ do Nhà nước giao và ngành, nghề kinh doanh;

+ Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ;

+ Người đại diện theo pháp luật của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của công ty;

+ Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;

+ Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của công ty;

+ Cơ chế hoạt động tài chính, nguyên tắc sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của công ty; căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

+ Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu và thủ tục thanh lý tài sản của công ty;

+ Thẻ thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

+ Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

+ Các quy định khác do cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập công ty TNHH một thành viên, gồm:

+Ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ;

+Truyền tải hệ thống điện quốc gia; nhà máy thủy điện đa mục tiêu, nhà máy điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh;

+Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; các cảng hàng không; cảng biển tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế;

+Quản lý điều hành bay; điều hành vận tải đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị;

+ Bảo đảm hàng hải;

+Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

+Xuất bản (không bao gồm lĩnh vực in và phát hành xuất bản phẩm);

+In, đúc tiền;

+Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện, kè đá lấn biển;

+ Hậu cần biển đảo;

+ Quản lý, duy tu công trình đê điều, phân lũ và phòng chống thiên tai;

+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

+ Những ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ cho việc ổn định và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ hoặc các ngành, lĩnh vực, địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

+ Công ty TNHH một thành viên khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

+ Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

+ Đối với công ty TNHH một thành viên hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nếu có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Việc thành lập công ty TNHH một thành viên phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

5. Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Bộ quản lý ngành (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập các công ty do các Bộ quản lý ngành khác nhau được giao quản lý, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ định Bộ quản lý ngành) có trách nhiệm chỉ đạo công ty TNHH một thành viên lập Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, gửi Hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo

thẩm định Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên, đồng thời gửi Bộ quản lý ngành để tiếp thu ý kiến thẩm định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau về những nội dung chủ yếu của Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan trước khi trình báo cáo thẩm định lên Thủ tướng Chính phủ; thời gian có thể kéo dài thêm không quá 10 ngày làm việc.

-Bộ quản lý ngành giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Sau khi có Quyết định hợp nhất, sáp nhập, các công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập. Đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do các cơ quan hoặc cá nhân khác nhau quyết định thành lập, sau khi Hồ sơ hợp nhất, sáp nhập được phê duyệt, người đại diện theo pháp luật của các công ty TNHH một thành viên cùng ký vào Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập.

Công ty nhận sáp nhập và công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên;
- Đề án hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;
- Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 152, Điểm a Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp.

-Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 04 bộ Hồ sơ gốc.

*** Thời hạn giải quyết:**

Tối đa không quá 35 ngày làm việc (kể từ ngày các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ quản lý ngành.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ quyết định việc hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án hợp nhất, sáp nhập bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;

- Sự cần thiết hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi hợp nhất, sáp nhập;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;

- Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

-Việc sáp nhập, hợp nhất không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

6. Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý, công ty TNHH một thành viên do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Các công ty TNHH một thành viên phối hợp, thống nhất lập Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập theo quy định trình cơ quan hoặc cá nhân quyết định thành lập công ty xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

- Sau khi có Quyết định hợp nhất, sáp nhập, các công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập. Đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do các cơ quan hoặc cá nhân khác nhau quyết định thành lập, sau khi Hồ sơ hợp nhất, sáp nhập được phê duyệt, người đại diện theo pháp luật của các công ty TNHH một thành viên cùng ký vào Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập.

Công ty nhận sáp nhập và công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên;
- Đề án hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;

- Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 152, Điểm a Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp.

- Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ Hồ sơ gốc.

* **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập.

* **Cơ quan thực hiện:**

Cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các công ty TNHH một thành viên thực hiện hợp nhất, sáp nhập.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên của cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án hợp nhất, sáp nhập bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;

- Sự cần thiết hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi hợp nhất, sáp nhập;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyên đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;

- Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Việc sáp nhập, hợp nhất không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

7. Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

*** Trình tự thực hiện:**

- Bộ quản lý ngành chỉ đạo công ty TNHH một thành viên lập Hồ sơ đề nghị chia, tách gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị chia, tách, các cơ quan liên quan có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định, đồng thời gửi Bộ quản lý ngành để tiếp thu ý kiến thẩm định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau về những nội dung chủ yếu của Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan trước khi trình báo cáo thẩm định lên Thủ tướng Chính phủ; thời gian có thể kéo dài thêm không quá 10 ngày làm việc.

- Bộ quản lý ngành giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Sau khi có quyết định chia, tách, công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

Công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm tổ chức lại;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 04 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:**

Tối đa không quá 35 ngày làm việc (kể từ ngày các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** công ty TNHH một thành viên.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chia, tách công ty TNHH một thành viên.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án chia, tách bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi chia, tách;

- Sự cần thiết chia, tách công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi chia, tách;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc chia, tách;

- Thời hạn thực hiện chia, tách công ty TNHH một thành viên;

Trường hợp chia, tách công ty TNHH một thành viên để hình thành công ty TNHH một thành viên mới thì Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên phải có thêm các nội dung nêu tại Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc chia, tách công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các công ty TNHH một thành viên mới hình thành sau khi chia, tách công ty TNHH một thành viên phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập công ty TNHH một thành viên ((i) Thuộc ngành, lĩnh vực địa bàn được xem xét thành lập (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (ii) Đảm bảo đủ vốn điều lệ (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (iii) Phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế).

- Việc chia, tách không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

8. Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.

*** Trình tự thực hiện:**

- Công ty TNHH một thành viên lập Hồ sơ đề nghị chia, tách gửi Bộ, UBND cấp tỉnh thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành (trong trường hợp công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ, UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chia tách công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chia, tách, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt chủ trương.

- Sau khi có quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

Công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm tổ chức lại;

- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc tổ chức lại công ty TNHH một thành viên.

* **Số lượng hồ sơ:** 06 bộ Hồ sơ gốc

* **Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện thủ tục thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Tối đa không quá 30 ngày làm việc (kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương), Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên.

* **Cơ quan thực hiện:**

Bộ, UBND cấp tỉnh.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** công ty TNHH một thành viên.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương. Trong trường hợp được phê duyệt chủ trương, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định chia, tách.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án chia, tách bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi chia, tách;

- Sự cần thiết chia, tách công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi chia, tách;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc chia, tách;

- Thời hạn thực hiện chia, tách công ty TNHH một thành viên;

Trường hợp chia, tách công ty TNHH một thành viên để hình thành công ty TNHH một thành viên mới thì Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên phải có thêm các nội dung nêu tại Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc chia, tách công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các công ty TNHH một thành viên mới hình thành sau khi chia, tách công ty TNHH một thành viên phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập công ty TNHH một thành viên ((i) Thuộc ngành, lĩnh vực địa bàn được xem xét thành lập (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (ii) Đảm bảo đủ vốn điều lệ (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (iii) Phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

- Việc chia, tách không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

9. Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Công ty mẹ lập Hồ sơ đề nghị chia, tách công ty con là công ty TNHH một thành viên gửi Bộ quản lý ngành để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách, Bộ quản lý ngành chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ quản lý ngành;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ quản lý ngành lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

- Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chia, tách, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt chủ trương.

- Sau khi có quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

Công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm tổ chức lại;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc tổ chức lại công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 05 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ quản lý ngành thực hiện thủ tục thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chia, tách, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ quản lý ngành thực hiện

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** công ty mẹ

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** : Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương. Trong trường hợp được phê duyệt chủ trương, thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ ra quyết định về việc chia, tách công ty TNHH một thành viên.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án chia, tách bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi chia, tách;

- Sự cần thiết chia, tách công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi chia, tách;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc chia, tách;

- Thời hạn thực hiện chia, tách công ty TNHH một thành viên;

Trường hợp chia, tách công ty TNHH một thành viên để hình thành công ty TNHH một thành viên mới thì Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên phải có thêm các nội dung nêu tại Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc chia, tách công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty

TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các công ty TNHH một thành viên mới hình thành sau khi chia, tách công ty TNHH một thành viên phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập công ty TNHH một thành viên ((i) Thuộc ngành, lĩnh vực địa bàn được xem xét thành lập (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (ii) Đảm bảo đủ vốn điều lệ (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (iii) Phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

- Việc chia, tách không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

10. Chia, tách công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Công ty mẹ lập Hồ sơ đề nghị chia, tách theo quy định, gửi Bộ, UBND cấp tỉnh để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành (trong trường hợp công ty mẹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đến Bộ, UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chia, tách, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt chủ trương.

- Sau khi có quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

Công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất thời điểm tổ chức lại;
- Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên mới;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc tổ chức lại công ty TNHH một thành viên.

*** Số lượng hồ sơ:** 06 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:**

- Tối đa không quá 20 ngày làm việc (kể từ khi các cơ quan liên quan nhận được Hồ sơ) để Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện thủ tục thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chia, tách, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên.

*** Cơ quan thực hiện:**

Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty mẹ.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương. Trong trường hợp được phê duyệt chủ trương, thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ ra quyết định về việc chia, tách công ty TNHH một thành viên.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu phải có trong Đề án chia, tách bao gồm:

- Tên, địa chỉ các công ty TNHH một thành viên trước và sau khi chia, tách;

- Sự cần thiết chia, tách công ty TNHH một thành viên; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc;

- Mức vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên sau khi chia, tách;

- Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

- Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các công ty TNHH một thành viên liên quan đến việc chia, tách;

- Thời hạn thực hiện chia, tách công ty TNHH một thành viên;

Trường hợp chia, tách công ty TNHH một thành viên để hình thành công ty TNHH một thành viên mới thì Đề án chia, tách công ty TNHH một thành viên phải có thêm các nội dung nêu tại Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc chia, tách công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc sáp nhập, hợp nhất công ty TNHH một thành viên chưa được quy định tại Đề án tổng thể, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các công ty TNHH một thành viên mới hình thành sau khi chia, tách công ty TNHH một thành viên phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập công ty TNHH một thành viên ((i) Thuộc ngành, lĩnh vực địa bàn được xem xét thành lập (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên);

(ii) Đảm bảo đủ vốn điều lệ (như đã được quy định tại thủ tục thành lập công ty TNHH một thành viên); (iii) Phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế.

- Việc chia, tách không làm giảm vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

11. Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên

*** Trình tự thực hiện:**

- Người quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

- Công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh.

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm báo cáo người quyết định thành lập công ty để ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:** Thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ Hồ sơ gốc

*** Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Cơ quan thực hiện:**

Người quyết định thành lập quyết định tạm ngừng kinh doanh; Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh-Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** là công ty TNHH một thành viên.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo tạm ngừng kinh doanh.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Nội dung thông báo gồm:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh.

- Ngành, nghề kinh doanh.

- Thời hạn tạm ngừng kinh doanh, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh ghi trong thông báo không được quá một năm. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải thông báo tiếp cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá hai năm.

- Lý do tạm ngừng kinh doanh.

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc của đại diện hộ kinh doanh.

Kèm theo thông báo phải có quyết định của chủ sở hữu công ty về việc tạm ngừng kinh doanh.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2010.

- Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 1 năm 2013.

- Thông tư số 01/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2013.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp/
chi nhánh/văn phòng đại diện**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

1. Đối với doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho đến ngày....tháng....năm.....

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện đăng ký tạm ngừng hoạt động:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động cho đến ngày....tháng....năm.....đối với
chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*)

Mã số:

Lý do tạm ngừng:

.....
.....

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

12. Giải thể công ty TNHH một thành viên

*** Trình tự thực hiện:**

- Trong trường hợp công ty có đủ các điều kiện giải thể hoặc có văn bản đề
nghị giải thể công ty từ các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trong thời hạn 30

ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể công ty. Trường hợp không quyết định giải thể công ty, người có thẩm quyền quyết định giải thể phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị.

- Người có thẩm quyền ra quyết định giải thể công ty TNHH một thành viên theo các nội dung đã được quy định.

- Sau khi có quyết định giải thể:

+ Công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

+ Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

+ Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế công ty có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của công ty.

*** Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

*** Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị giải thể công ty.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:** Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể công ty.

*** Cơ quan thực hiện:**

Người quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên là người quyết định giải thể công ty.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** công ty TNHH một thành viên hoặc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải thể công ty TNHH một thành viên

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Công ty TNHH một thành viên bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

+Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

+Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+Kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

+Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

+ Việc tiếp tục duy trì công ty là không cần thiết.

-Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

-Việc giải thể công ty TNHH một thành viên phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc giải thể công ty chưa được quy định tại Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cơ quan quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

- Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010.

- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị: **Cục Phát triển doanh nghiệp** Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2014

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi: Cục trưởng Hồ Sỹ Hùng

Vấn đề trình: Trả lời Vụ Pháp chế về việc thống kê các thủ tục hành chính kèm theo Nghị định số 172/2010/NĐ-CP.

Các văn bản kèm theo:

- + Dự thảo văn bản trả lời;
- + Văn bản kèm theo.

TÓM TẮT NỘI DUNG VÀ KIẾN NGHỊ	GIẢI QUYẾT CỦA LÃNH ĐẠO
<p>Cục Phát triển doanh nghiệp nhận được văn bản của Vụ Pháp chế đề nghị thực hiện thống kê, công bố thủ tục hành chính trong Nghị định số 172/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.</p> <p>Sau khi nghiên cứu nội dung công văn, Phòng Đối mới doanh nghiệp nhà nước dự thảo văn bản trả lời Vụ</p>	<p><u>Ý kiến của Lãnh đạo Cục:</u></p>

Pháp chế và liệt kê các thủ tục hành chính có trong Nghị định số 172/2013/NĐ-CP theo yêu cầu của Vụ Pháp chế.

Kính trình Lãnh đạo Cục xem xét, quyết định.

Chuyên viên

Phó trưởng phòng

Trần Thanh Hương

Nguyễn Thị Hồng Lam

Tel: 0804 3507

CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2014

V/v công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ

Kính gửi: Vụ Pháp chế.

Cục Phát triển doanh nghiệp nhận được văn bản của Quý Vụ và công văn số 33/BKHĐT-PC ngày 10/01/2014 đề nghị thực hiện việc thống kê, công bố các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản, Cục Phát triển doanh nghiệp đã thống kê 12 thủ tục hành chính được quy định trong Nghị định số 172/2013/NĐ-CP, xin gửi Quý Vụ để tổng hợp và công bố theo quy định của pháp luật hiện hành./.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP Cục, DNNN.

Lê Mạnh Hùng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế thường xuyên cập nhật để trình Bộ trưởng công bố những thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. Thời gian loại bỏ hoặc cập nhật các thủ tục hành chính này chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

- Bộ trưởng (đề b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC) (đề b/c);
- Vụ PC (Phòng KSTTHC);
- Văn phòng Bộ(Phòng KHTH);
- Lưu: VT, PTDN.

Đặng Huy Đông